

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ ĐÔNG TẢO NUÔI THƯƠNG PHẨM

Ngô Thị Kim Cúc, Phạm Văn Sơn, Ngô Thị Thu Hiền và Đặng Văn Dũng

Viện Chăn nuôi

Tác giả liên hệ: Ngô Thị Kim Cúc; Tel: 0438. 385292; Email: cucngokim@yahoo.com

TÓM TẮT

Mục tiêu của đề tài là đánh giá được khả năng sản xuất của gà Đông Tảo thương phẩm. Nghiên cứu được thực hiện trên đàn gà Đông Tảo dòng trống, dòng mái, con lai hai dòng từ 1 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi. Mỗi dòng bố trí 150 gà con 01 ngày đến 20 tuần tuổi tại Công ty TNHH gà Đông Tảo Thái Thủy, xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Giữa các lô có sự đồng đều về tuổi, nguồn gốc, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, thú y phòng bệnh theo quy trình chăn nuôi gà thương phẩm của nhiệm vụ “Khai thác và phát triển nguồn gen đặc sản: Đông Tảo, Chọi và Tre” Lê Thị Thu Hiền (2016) và sử dụng thức ăn hỗn hợp.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tỷ lệ nuôi sống và khối lượng lúc 20 tuần tuổi của gà Đông tảo thương phẩm dòng trống, dòng mái và con lai hai dòng lần lượt là 95,33% và 2942,33 g/con; 94,67 và 2501,02g/con; 95,33 và 2817,35 g/con. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng lúc 20 tuần tuổi của dòng trống là 3,77 kg/kg tăng khối lượng; dòng mái 3,85 kg/kg tăng khối lượng; dòng lai là 3,81 kg/kg tăng khối lượng.

Từ khóa: Gà Đông Tảo, khả năng sinh trưởng, năng suất gà Đông Tảo

ĐẶT VẤN ĐỀ

Gà Đông Tảo có nguồn gốc tại xã Đông Tảo huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên, gà có đặc điểm ngoại hình nổi bật là chân rất to; da màu đỏ ở những chỗ trụi lông (Nguyễn Hữu Lương và Trần Thị Loan, 2009). Nghiên cứu của Lê Thị Thu Hiền (2016) trên gà Đông Tảo cho biết lúc 20 tuần tuổi gà trống có lông màu nâu đỏ (mã lĩnh), gà mái có lông màu vàng nhạt (màu lá chuối khô). Khối lượng của gà Đông Tảo lúc 8 tuần tuổi ở thể hệ 3 gà trống là 754,24 g - 941,46g và gà mái là 661,37g -804,50g. Năng suất trứng/mái/năm đạt 67,88-68,54 quả. Khối lượng cơ thể của gà Đông tảo thương phẩm lúc 24 tuần tuổi đạt 2,76kg/con với tiêu tốn 4,69kg thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể (Lê Thu Hiền, 2016). Gà Đông Tảo có chất lượng thịt và trứng thơm ngon, sức kháng bệnh tốt, có khả năng tự kiếm thức ăn cao. Đây là giống gà nội có gen quý và hiện nay giống gà này đã và đang được sử dụng để tạo ra các tổ hợp lai phát triển rộng rãi trong chăn nuôi gà ở các tỉnh phía Bắc.

Để xây dựng được hệ thống nhân giống đa cấp nhằm phát huy được hết tiềm năng của giống, đặc biệt là giảm nguy cơ cận huyết, thoái hóa giống, đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu chọn tạo 02 dòng gà Đông Tảo và 02 dòng gà Móng” đã chọn tạo được 02 dòng gà (Đông Tảo trống và Đông Tảo mái). Hai dòng này sẽ được sử dụng tạo gà thương phẩm phục vụ cho sản xuất. Trước những nhu cầu ngày càng tăng về các sản phẩm đặc sản địa phương có chất lượng cao thì việc phát triển gà Đông Tảo thương phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường là cần thiết. Gà Đông tảo thương phẩm được sinh ra từ dòng trống, dòng mái và con lai hai dòng đã được theo dõi trong nghiên cứu này với mục tiêu nhằm đánh giá khả năng sinh trưởng của gà Đông Tảo thương phẩm.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Đàn gà Đông Tảo thương phẩm dòng trống, dòng mái và con lai hai dòng được nuôi từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi.

Địa điểm nghiên cứu

Đề tài được triển khai tại Công ty TNHH gà Đông Tảo Thái Thủy, xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Thời gian nghiên cứu: Năm 2022

Nội dung nghiên cứu

Đánh giá khả năng sản xuất của gà Đông Tảo thương phẩm dòng trống, dòng mái và con lai hai dòng.

Phương pháp nghiên cứu

Đàn gà được bố trí thí nghiệm theo phương pháp phân lô ngẫu nhiên hoàn toàn để đánh giá khả năng sinh trưởng, ưu thế lai về khối lượng cơ thể, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng. Giữa các lô có sự đồng đều về tuổi, nguồn gốc, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, thú y phòng bệnh theo quy trình chăn nuôi gà thương phẩm của nhiệm vụ “Khai thác và phát triển nguồn gen đặc sản: Đông Tảo, Chọi và Tre” Lê Thị Thu Hiền (2016) và sử dụng thức ăn hỗn hợp.

Bảng 1. Giá trị dinh dưỡng trong khẩu phần thức ăn cho gà Đông Tảo thương phẩm

| Thành phần dinh dưỡng | 0-4 tuần tuổi | 5-8 tuần tuổi | 9-20 tuần tuổi |
|-------------------------|---------------|---------------|----------------|
| Năng lượng ME (Kcal/kg) | 2950 | 3000 | 3050 |
| Protein (%) | 19,0 | 17,0 | 15,5 |
| Xơ thô (%) | 4,0 | 4,2 | 5,0 |
| Can xi (%) | 1,0 | 0,87 | 1,0 |
| Phot pho (%) | 0,8 | 0,75 | 0,7 |

Bảng 2. Sơ đồ bố trí thí nghiệm

| Diễn giải | ĐVT | Đông Tảo dòng trống | Đông Tảo dòng mái | Đông Tảo lai hai dòng |
|-------------------------|-----|---------------------|-------------------|-----------------------|
| Số lần lặp lại | Lần | 3 | 3 | 3 |
| Số con/lô TN | Con | 50 | 50 | 50 |
| Tổng số gà 01 ngày tuổi | Con | 150 | 150 | 150 |

Gà được cho ăn tự do trong cả giai đoạn từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi nhằm đánh giá khả năng tăng khối lượng của gà.

Các chỉ tiêu theo dõi

- Tỷ lệ nuôi sống
- Khối lượng cơ thể lúc từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi

- Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng

Phương pháp theo dõi các chỉ tiêu:

- Tỷ lệ nuôi sống: Hàng ngày đếm chính xác số gà chết trong từng lô thí nghiệm, tiến hành ghi chép và tính tổng số con đầu tuần, tổng số con cuối tuần.

$$\text{Tỷ lệ nuôi sống (\%)} = \frac{\text{Số con cuối kỳ (con)}}{\text{Số con đầu kỳ (con)}} \times 100$$

- Khối lượng cơ thể ở các tuần tuổi (01 ngày tuổi đến 8, 12, 14, 16, 18 và 20 tuần): Hàng tuần cân mẫu vào sáng sớm một ngày, giờ nhất định trước khi cho ăn. Dùng cân đồng hồ có độ chính xác ± 2 g để cân gà giai đoạn 1 ngày tuổi đến 8 tuần tuổi. Dùng cân đồng hồ có độ chính xác ± 5 g để cân gà giai đoạn 9 - 20 tuần tuổi.

- *Sinh trưởng tuyệt đối*: là sự tăng lên về khối lượng trong một ngày, tính theo trung bình của một tuần tuổi, tính bằng g/con/ngày.

$$A \text{ (g/con/ngày)} = \frac{P2 - P1}{T}$$

Trong đó:

A: là sinh trưởng tuyệt đối gam/con/ngày

P1: là khối lượng cơ thể cân tại thời điểm t_1 (g)

P2: là khối lượng cơ thể cân tại thời điểm t_2 (g)

t: Khoảng cách giữa hai lần cân.

- *Sinh trưởng tương đối*: là tỷ lệ phần trăm tăng lên của khối lượng, kích thước và thể tích cơ thể lúc khảo sát so với lúc đầu khảo sát.

$$R \text{ (\%)} = \frac{P2 - P1}{(P1 + P2)/2} \times 100$$

Trong đó:

R: sinh trưởng tương đối (%)

P1: khối lượng cơ thể ở lần cân trước (g)

P2: khối lượng cơ thể ở lần cân sau (g)

- Lượng thức ăn tiêu thụ qua các giai đoạn tuổi: Thức ăn được cân vào đầu giờ sáng và thức ăn dư thừa được cân vào cuối mỗi ngày.

Xử lý số liệu: Các số liệu nghiên cứu khả năng sản xuất của gà được xử lý theo phương pháp thống kê sinh học trên chương trình Excel 2016 và Minitab 16 tại Bộ môn Di truyền - Giống vật nuôi, Viện Chăn nuôi.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Tỷ lệ nuôi sống qua các tuần tuổi

Kết quả về tỷ lệ nuôi sống từ 1 đến 20 tuần tuổi được trình bày tại bảng 3 của các dòng cho thấy: gà Đông Tảo thương phẩm dòng trống và con lai hai dòng đạt là 95,33 %, dòng mái đạt 94,67%.

Bảng 3. Tỷ lệ nuôi sống của gà Đông Tảo thương phẩm qua các tuần tuổi

| Tuần tuổi | Đông Tảo dòng trống | | Đông Tảo dòng mái | | Đông Tảo lai hai dòng | |
|----------------|---------------------|-----------|-------------------|-----------|-----------------------|-----------|
| | n (con) | Tỷ lệ (%) | n (con) | Tỷ lệ (%) | n (con) | Tỷ lệ (%) |
| 1 | 150 | | 150 | | 150 | |
| 2 | 148 | 98,67 | 149 | 99,33 | 149 | 99,33 |
| 3 | 147 | 98,00 | 147 | 98,00 | 147 | 98,00 |
| 4 | 147 | 98,00 | 146 | 97,33 | 146 | 97,33 |
| 5 | 146 | 97,33 | 146 | 97,33 | 146 | 97,33 |
| 6 | 146 | 97,33 | 146 | 97,33 | 145 | 96,67 |
| 7 | 145 | 96,67 | 144 | 96,00 | 145 | 96,67 |
| 8 | 145 | 96,67 | 144 | 96,00 | 145 | 96,67 |
| 10 | 144 | 96,00 | 144 | 96,00 | 144 | 96,00 |
| 12 | 144 | 96,00 | 144 | 96,00 | 144 | 96,00 |
| 14 | 144 | 96,00 | 143 | 95,33 | 144 | 96,00 |
| 16 | 144 | 96,00 | 143 | 95,33 | 143 | 95,33 |
| 18 | 143 | 95,33 | 142 | 94,67 | 143 | 95,33 |
| 20 | 143 | 95,33 | 142 | 94,67 | 143 | 95,33 |
| 01 - 20 | | 95,33 | | 94,67 | | 95,33 |

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn kết quả của Lê Thị Thu Hiền (2016) nghiên cứu trên gà Đông Tảo thương phẩm có tỷ lệ nuôi sống từ 94,38%; Lê Thị Thắm (2016) cho biết tỷ lệ nuôi sống gà Đông Tảo đến 24 tuần tuổi đạt 86,4%; Nguyễn Đăng Vang và cs. (1999); Nguyễn Thị Hoà (2004) cho kết quả tỷ lệ nuôi sống gà Đông Tảo đạt 92-93,13%. Tỷ lệ nuôi sống trên gà Lạc Thủy giai đoạn đến 8 tuần và đến 16 tuần tuổi đạt lần lượt là 97,17 – 97,33% và 94,67 - 95,17% (Nguyễn Thị Mười, 2020).

Khối lượng cơ thể qua các tuần tuổi

Kết quả khối lượng cơ thể qua các tuần tuổi trình bày tại bảng 4 cho thấy. Thời điểm 8 tuần tuổi khối lượng cơ thể dòng trống là 1210,33 g/con; con lai hai dòng là 1182,83 g/con; dòng mái là 1063,33 g/con. Đến 20 tuần tuổi dòng trống có khối lượng cao nhất đạt 2942,33

g/con, tiếp đến là dòng lai (dòng trống x dòng mái) đạt 2817,35 g/con và thấp nhất là dòng mái đạt 2501,02 g/con.

Bảng 4. Khối lượng cơ thể của gà Đông Tảo thương phẩm qua các tuần tuổi (n=50)

| Tuần tuổi | Đông Tảo dòng trống | | Đông Tảo dòng mái | | Đông Tảo lai hai dòng | |
|------------------|------------------------------|-------|------------------------------|-------|------------------------------|-------|
| | $\bar{X} \pm SE$ | Cv% | $\bar{X} \pm SE$ | Cv% | $\bar{X} \pm SE$ | Cv% |
| SS | 38,33 ± 3,10 | 7,98 | 36,19 ± 2,88 | 7,75 | 37,26 ± 3,04 | 7,84 |
| 1 | 75,27 ± 6,20 | 8,38 | 73,40 ± 6,58 | 8,96 | 74,33 ± 6,11 | 8,50 |
| 2 | 168,33 ± 16,10 | 8,48 | 140,27 ± 13,10 | 8,34 | 161,30 ± 15,40 | 8,37 |
| 3 | 254,63 ± 24,79 | 10,41 | 226,00 ± 22,21 | 9,83 | 247,32 ± 23,17 | 10,02 |
| 4 | 379,33 ± 38,41 | 11,60 | 332,73 ± 34,40 | 10,31 | 368,03 ± 36,57 | 11,37 |
| 5 | 553,33 ± 58,74 | 12,13 | 465,67 ± 49,98 | 10,73 | 529,50 ± 55,32 | 12,04 |
| 6 | 767,33 ± 82,17 | 13,12 | 638,00 ± 69,48 | 10,89 | 727,67 ± 79,24 | 12,97 |
| 7 | 993,67 ± 94,42 | 13,66 | 819,33 ± 91,57 | 11,18 | 946,50 ± 93,36 | 13,11 |
| 8 | 1210,33 ± 83,29 | 13,84 | 1063,33 ± 93,27 | 11,32 | 1182,83 ± 90,81 | 12,59 |
| 10 | 1544,67 ± 88,61 | 13,93 | 1346,00 ± 85,49 | 13,78 | 1469,27 ± 87,50 | 13,44 |
| 12 | 1850,33 ± 79,00 | 13,63 | 1610,67 ± 94,22 | 12,71 | 1755,80 ± 88,49 | 13,22 |
| 14 | 2139,00 ± 70,46 | 13,43 | 1857,33 ± 98,80 | 12,22 | 2030,42 ± 91,43 | 13,07 |
| 16 | 2420,01 ± 95,62 | 12,10 | 2080,67 ± 91,22 | 12,31 | 2300,09 ± 93,11 | 12,02 |
| 18 | 2690,33 ± 80,27 | 11,92 | 2297,50 ± 77,09 | 12,55 | 2561,34 ± 78,90 | 12,13 |
| 20 | 2942,33 ± 85,48 ^a | 11,29 | 2501,02 ± 86,96 ^c | 12,23 | 2817,35 ± 86,62 ^b | 12,29 |
| Ưu thế lai H (%) | | | | | 3,2 | |

Ghi chú: Các giá trị trung bình mang chữ cái khác nhau trên cùng một hàng là khác biệt có ý nghĩa ($P < 0,05$) và ngược lại.

Kết quả tại bảng 4 cũng cho thấy, khối lượng dòng mái và dòng trống gà Đông Tảo thương phẩm trong nghiên cứu này thời điểm 8 và 20 tuần tuổi đạt lần lượt từ 1063,33 – 1210,33 g/con và 2501,02 – 2942,33 g/con cao hơn nghiên cứu của Lê Thị Thu Hiền (2016) cũng trên gà Đông Tảo thương phẩm tại thời điểm 8 và 20 tuần tuổi lần lượt là 712,17 - 774,33 g/con và 2109,67 - 2501,67 g/con; Nguyễn Hữu Lương và Trần Thị Loan (2009) đã cho biết khối lượng gà Đông Tảo lúc 8 tuần tuổi là 708,47 - 974,27 g/con; Nguyễn Thị Hoà

(2004) nghiên cứu trên gà Đông Tảo cho khối lượng lúc 8 tuần tuổi gà trống là 636,18 - 727,67 g/con. So sánh với kết quả nghiên cứu của một số giống gà nội khác cho thấy, gà Móng của Nguyễn Trọng Tuyển và cs. (2016) khối lượng thời điểm 8 tuần tuổi là 692,60 g/con; gà Hồ (Nguyễn Chí Thành., 2008) lúc 8 tuần tuổi là 623,62 g/con; Gà Mía chọn lọc qua 3 thế hệ lúc 8 tuần tuổi có khối từ 591,08 - 674,06g (Ngô Thị Kim Cúc và Trần Trung Thông, 2016); thì gà Đông Tảo thương phẩm trong nghiên cứu này có khối lượng cao hơn. Khối lượng cơ thể gà Lạc thủy thương phẩm tại thời điểm 8 tuần tuổi và 16 tuần tuổi đạt lần lượt là 724,67 - 764,00 g/con và 1603,67 – 1624,33 g/con (Nguyễn Thị Mười, 2010).

Sinh trưởng tuyệt đối

Giá trị sinh trưởng tuyệt đối càng cao thì càng có hiệu quả kinh tế cao. Kết quả sinh trưởng tuyệt đối được trình bày tại bảng 5 cho thấy sinh trưởng tuyệt đối của gà thí nghiệm tuân theo đúng quy luật sinh trưởng của gia cầm: Tăng nhanh từ 1 tuần tuổi đến 10 tuần tuổi sau đó giảm dần. Sự giảm về sinh trưởng tuyệt đối diễn ra mạnh ở gà Đông Tảo dòng mái, nhưng ở gà Đông Tảo dòng trống và con lai 2 dòng này giảm về sinh trưởng tuyệt đối là không nhiều. Điều này cho thấy, gà Đông tảo có thể nuôi thịt đến 20 tuần tuổi để phát huy hết khả năng tăng khối lượng của giống.

Bảng 5. Tăng khối lượng tuyệt đối của gà Đông Tảo thương phẩm (g/con/ngày, n=50)

| Tuần tuổi | Đông Tảo dòng trống | | Đông Tảo dòng mái | | Đông tảo lai hai dòng | |
|------------|---------------------|-------|-------------------|-------|-----------------------|-------|
| | $\bar{X} \pm SE$ | Cv% | $\bar{X} \pm SE$ | Cv% | $\bar{X} \pm SE$ | Cv% |
| SS-1 | 5,28±3,11 | 7,21 | 5,32±3,05 | 7,10 | 5,30±3,47 | 7,19 |
| 1-2 | 13,30±6,20 | 8,45 | 9,55±6,24 | 8,23 | 12,42±6,22 | 8,30 |
| 2-3 | 12,33±15,29 | 9,76 | 12,25±16,58 | 9,41 | 12,29±15,39 | 9,58 |
| 3-4 | 17,81±27,33 | 12,17 | 15,25±30,66 | 12,05 | 17,24±29,42 | 12,15 |
| 4-5 | 24,86±35,26 | 12,38 | 18,99±39,17 | 12,29 | 23,07±37,11 | 12,30 |
| 5-6 | 30,57±54,16 | 13,05 | 23,19±62,75 | 13,48 | 28,30±59,42 | 13,16 |
| 6-7 | 32,33±73,48 | 13,42 | 27,33±80,45 | 13,25 | 31,27±79,36 | 13,35 |
| 7-8 | 30,95±82,77 | 12,54 | 34,86±79,16 | 13,11 | 33,76±80,72 | 12,79 |
| 8-10 | 47,76±91,15 | 12,66 | 40,38±88,35 | 13,30 | 40,92±90,75 | 13,07 |
| 10-12 | 43,67±93,61 | 12,32 | 37,81±90,24 | 12,72 | 40,93±92,19 | 12,61 |
| 12-14 | 41,24±90,74 | 13,10 | 35,24±92,83 | 12,09 | 39,23±91,35 | 13,02 |
| 14-16 | 40,14±95,36 | 13,51 | 31,90±96,72 | 12,53 | 38,52±93,68 | 13,45 |
| 16-18 | 38,62±98,40 | 12,77 | 30,98±94,09 | 13,03 | 37,32±96,43 | 13,18 |
| 18-20 | 36,00±99,24 | 12,39 | 29,07±99,62 | 13,44 | 36,57±99,25 | 13,20 |
| Trung bình | 29,63±85,70 | | 25,15±89,51 | | 28,37±88,56 | |

Kết quả Bảng 5 cũng cho thấy tăng trưởng trung bình tuyệt đối của gà Đông Tảo từ 25,15 – 29,63 g/con/ngày. Trong đó dòng trống có tăng trưởng g/con/ngày cao nhất với 29,63 g tiếp đến là gà lai là 28,37g và cuối cùng là dòng mái là 25,15g. Theo Nguyễn Thành Luân (2015) thì gà Ri có sinh trưởng tuyệt đối trung bình đến 15 tuần tuổi là 16,28 – 19,57g; gà Mía nuôi 15 tuần tuổi là 19 g/con/ ngày (Hồ Xuân Tùng và cs, 2009) đều thấp hơn kết quả của gà Đông Tảo trong nghiên cứu này đến 14 tuần tuổi là 35,24- 41,24 g/con/ngày

Sinh trưởng tương đối

Sinh trưởng tương đối của gà Đông Tảo tuân theo quy luật của gia cầm. Kết quả sinh trưởng tương đối của gà Đông Tảo ở tuần 1 đạt cao nhất và sau đó giảm dần ở các tuần tiếp theo. Kết quả này cho thấy rằng thời gian nuôi càng kéo dài thì chỉ số này càng giảm, nuôi đến 20 tuần tuổi trung bình sinh trưởng tương đối của gà Đông Tảo từ 29,73 – 30,38%. Trong đó cao nhất là gà Đông Tảo dòng trống đạt 30,38%, tiếp đến là gà lai đạt 30,29% và thấp nhất là dòng mái đạt 29,73%.

Bảng 6. Tăng khối lượng tương đối của gà Đông Tảo thương phẩm (% , n = 50)

| Tuần tuổi | Đông Tảo dòng trống | | Đông Tảo dòng mái | | Đông Tảo lai hai dòng | |
|------------|---------------------|-------|-------------------|-------|-----------------------|-------|
| | $\bar{X} \pm SE$ | Cv% | $\bar{X} \pm SE$ | Cv% | $\bar{X} \pm SE$ | Cv% |
| SS-1 | 65,03±5,28 | 12,36 | 67,91±6,37 | 12,04 | 66,44±5,88 | 12,28 |
| 1-2 | 76,41±17,58 | 13,70 | 62,59±16,55 | 13,52 | 73,82±17,11 | 13,61 |
| 2-3 | 40,81±30,29 | 13,88 | 46,81±25,48 | 13,12 | 42,10±29,44 | 13,70 |
| 3-4 | 39,34±38,16 | 13,92 | 38,21±35,32 | 13,56 | 39,23±37,19 | 13,88 |
| 4-5 | 37,31±42,70 | 12,77 | 33,30±40,66 | 12,59 | 35,98±41,74 | 12,72 |
| 5-6 | 32,41±45,22 | 13,63 | 29,69±44,10 | 13,41 | 31,52±45,04 | 13,59 |
| 6-7 | 25,71±50,37 | 12,49 | 26,44±48,05 | 13,04 | 26,15±49,36 | 12,94 |
| 7-8 | 19,66±50,71 | 12,54 | 25,92±51,36 | 13,90 | 22,20±50,92 | 13,63 |
| 8-10 | 24,27±54,83 | 13,06 | 23,46±52,19 | 12,74 | 21,60±53,66 | 12,85 |
| 10-12 | 18,01±57,04 | 13,71 | 17,90±55,62 | 13,11 | 17,77±56,33 | 13,69 |
| 12-14 | 14,47±60,71 | 13,82 | 14,23±59,11 | 12,96 | 14,51±60,07 | 13,74 |
| 14-16 | 12,33±59,23 | 13,41 | 11,34±60,35 | 12,45 | 12,45±60,15 | 13,08 |
| 16-18 | 10,58±61,64 | 12,57 | 9,91±60,04 | 13,49 | 10,75±61,07 | 13,12 |
| 18-20 | 8,95±60,88 | 13,80 | 8,48±58,42 | 13,21 | 9,52±60,31 | 12,96 |
| Trung bình | 30,38±54,72 | | 29,73±49,69 | | 30,29±50,43 | |

Khả năng thu nhận và tiêu tốn thức ăn của gà Đông Tảo thương phẩm

Khả năng thu nhận thức ăn

Khả năng thu nhận thức ăn phản ánh tình trạng sức khỏe của đàn gà, chất lượng thức ăn và kỹ thuật chăm sóc của người chăn nuôi. Kết quả bảng 7 cho thấy khả năng thu nhận thức ăn của gà Đông Tảo đều tăng dần qua các tuần tuổi và ở gà Đông Tảo dòng trống có khả năng thu nhận tại các tuần tuổi luôn đạt cao nhất, tiếp đến là gà lai và thấp nhất là dòng mái tại 20 tuần tuổi lần lượt là 115,37g, 110,15g và 105,26g.

Bảng 7. Khả năng thu nhận thức ăn của gà Đông Tảo thương phẩm (g, n=3)

| Tuần tuổi | Đông Tảo dòng trống | Đông Tảo dòng mái | Con lai hai dòng |
|-----------|---------------------|-------------------|------------------|
| | $\bar{X} \pm SE$ | $\bar{X} \pm SE$ | $\bar{X} \pm SE$ |
| 1 | 8,31±0,19 | 8,05±0,21 | 8,19±0,20 |
| 2 | 12,32±0,46 | 9,72±0,47 | 10,89±0,38 |
| 3 | 13,67±0,70 | 10,24±0,38 | 11,35±0,66 |
| 4 | 19,29±0,39 | 13,45±0,60 | 16,53±0,54 |
| 5 | 22,39±0,42 | 16,03±0,52 | 19,03±0,49 |
| 6 | 28,11±0,55 | 19,88±0,46 | 23,68±0,50 |
| 7 | 35,27±0,37 | 24,94±0,59 | 30,08±0,48 |
| 8 | 44,75±0,41 | 34,65±0,22 | 40,17±0,37 |
| 10 | 55,41±0,12 | 48,62±0,71 | 50,85±0,52 |
| 12 | 67,26±0,57 | 59,11±0,56 | 62,32±0,44 |
| 14 | 82,34±0,63 | 65,13±0,83 | 71,16±0,71 |
| 16 | 98,72±0,29 | 74,46±0,26 | 83,41±0,30 |
| 18 | 105,36±0,34 | 89,23±0,27 | 92,12±0,24 |
| 20 | 115,37±0,46 | 105,26±0,55 | 110,15±0,49 |

Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng

Kết quả tiêu tốn thức ăn của gà Đông Tảo thí nghiệm được trình bày tại bảng 8 cho thấy, thời điểm 8 tuần tuổi là 2,28 - 2,37 kg/kg tăng khối lượng; kết thúc 20 tuần tuổi là 3,77 - 3,85 kg/kg tăng khối lượng. Kết quả này tương đương kết quả của Lê Thị Thu Hiền (2016) nghiên cứu trên gà Đông Tảo thương phẩm là 2,13 - 2,42 kg/kg tăng khối lượng lúc 8 tuần tuổi; kết

quả trong nghiên cứu này thấp hơn nghiên cứu của Ngô Thị Kim Cúc và Nguyễn Công Định (2017) trên gà Móng thời điểm 8 tuần tuổi có mức tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng là 2,45 – 2,72kg và cao hơn trên gà Ri nuôi tại Bắc Giang có mức tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng thời điểm 8 tuần tuổi là 2,10 – 2,57kg (Nguyễn Thành Luân, 2015). Gà Lạc Thủy có mức tiêu tốn thức ăn đến 8 tuần tuổi và 16 tuần tuổi lần lượt là 1,91- 2,18 kg và 3,26 - 3,30 kg (Nguyễn Thị Mười, 2010).

Bảng 8. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng của gà Đông Tảo thương phẩm
(kg/kg TT, n=3)

| Tuần tuổi | Đông Tảo dòng trống | Đông Tảo dòng mái | Đông Tảo lai hai dòng |
|-----------|---------------------|-------------------|-----------------------|
| | $\bar{X} \pm SE$ | $\bar{X} \pm SE$ | $\bar{X} \pm SE$ |
| 1 | 1,12 ± 0,07 | 1,18 ± 0,06 | 1,15 ± 0,11 |
| 2 | 1,26 ± 0,13 | 1,32 ± 0,04 | 1,30 ± 0,09 |
| 3 | 1,57 ± 0,26 | 1,58 ± 0,07 | 1,58 ± 0,20 |
| 4 | 1,56 ± 0,11 | 1,67 ± 0,09 | 1,65 ± 0,08 |
| 5 | 1,79 ± 0,23 | 1,82 ± 0,13 | 1,81 ± 0,22 |
| 6 | 1,89 ± 0,09 | 1,95 ± 0,16 | 1,93 ± 0,41 |
| 7 | 2,09 ± 0,12 | 2,12 ± 0,14 | 2,10 ± 0,05 |
| 8 | 2,28 ± 0,30 | 2,37 ± 0,05 | 2,32 ± 0,18 |
| 10 | 2,41 ± 0,16 | 2,55 ± 0,15 | 2,48 ± 0,21 |
| 12 | 2,68 ± 0,27 | 2,71 ± 0,07 | 2,70 ± 0,17 |
| 14 | 2,90 ± 0,14 | 2,96 ± 0,36 | 2,94 ± 0,37 |
| 16 | 3,18 ± 0,43 | 3,20 ± 0,32 | 3,19 ± 0,05 |
| 18 | 3,39 ± 0,39 | 3,46 ± 0,24 | 3,43 ± 0,17 |
| 20 | 3,77 ± 0,10 | 3,85 ± 0,46 | 3,81 ± 0,21 |

Kết quả từ bảng 8 cũng chỉ ra rằng, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng đạt cao nhất ở gà Đông Tảo dòng mái, tiếp đến là con lai hai dòng và thấp nhất là dòng trống. Lúc 8 tuần tuổi kết quả tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng lần lượt là 2,37kg, 2,32kg và 2,28kg; tương tự, kết thúc 20 tuần tuổi mức tiêu thụ thức ăn/kg tăng khối lượng lần lượt là 3,85kg, 3,81kg và 3,77kg.

KẾT LUẬN

Gà Đông Tảo thương phẩm nuôi đến 20 tuần tuổi có tỷ lệ nuôi sống dòng trống, dòng mái và gà lai hai dòng lần lượt là 95,33%, 94,67% và 95,33%. Khối lượng cơ thể trung bình lúc kết thúc thí nghiệm tại 20 tuần tuổi dòng trống có khối lượng cao nhất đạt 2942,33 g/con, tiếp đến là con lai hai dòng đạt 2817,35 g/con và thấp nhất là dòng mái đạt 2501,02 g/con. Ưu thế lai về khối lượng đến 20 tuần tuổi của con lai 2 dòng là 3,2%. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối

lượng đến 20 tuần tuổi dòng trống đạt 3,77 kg/kg tăng trọng, dòng mái đạt 3,85 kg/kg tăng trọng và con lai hai dòng đạt 3,81 kg/kg tăng trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngô Thị Kim Cúc (2016). Báo cáo tổng kết kết quả khoa học và công nghệ của đề tài: Khai thác, phát triển nguồn gen giống gà Mía và Móng. Bộ Khoa học và Công Nghệ
- Ngô Thị Kim Cúc và Nguyễn Công Định (2017). Mức protein thích hợp trong khẩu phần nuôi gà Móng thương phẩm. Tạp chí Khoa học Công nghệ chăn nuôi (Số 79): Trang 30-37
- Ngô Thị Kim Cúc và Trần Trung Thông (2017). Đánh giá khả năng sinh trưởng và hiệu quả kinh tế của gà Mía thương phẩm. Tạp chí Khoa học Công nghệ chăn nuôi (Số 79): Trang 2-10
- Lê Thị Thu Hiền (2016). Báo cáo tổng kết kết quả khoa học và công nghệ của đề tài: Khai thác, phát triển nguồn gen gà đặc sản: Đông Tảo, Chọi, Tre. Bộ Khoa học và Công Nghệ.
- Nguyễn Thị Hoà, 2004. Nghiên cứu đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất và bảo tồn quỹ gen giống gà Đông Tảo. Hội nghị bảo tồn quỹ gen vật nuôi 1990 – 2004. Viện Chăn nuôi.
- Nguyễn Thị Mười, 2010. Báo cáo tổng kết kết quả khoa học và công nghệ của đề tài: Khai thác và phát triển nguồn gen giống gà Kiến và gà Lạc Thủy. Bộ Khoa học và Công Nghệ
- Nguyễn Thành Luân (2015). Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà Ri vàng rom và gà Ri cải tiến nuôi trong nông hộ tại huyện Sơn Động, Bắc Giang. Luận văn thạc sỹ, Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
- Nguyễn Hữu Lương, Trần Thị Loan (2009), "Một số đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của gà Đông Tảo nuôi tại trại thú – TTNC Bò và đồng cỏ Ba Vì", Báo cáo kết quả nguồn gen vật nuôi Việt Nam (2005-2009). Viện chăn nuôi.
- Lê Thị Thắm, Ngô Xuân Thái, Vũ Văn Thắng, Đào Thị Hiệp, Đoàn Văn Soạn, Vũ Đình Tôn và Đặng Vũ Bình (2016). Khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của gà Đông Tảo. Tạp chí KH Nông nghiệp Việt Nam.
- Nguyễn Chí Thành (2008). Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của các giống gà nội Ri, Hồ, Đông Tảo, Mía, Ác, H'Mông, Chọi. Luận văn Thạc sỹ Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Nguyễn Trọng Tuyển, Ngô Thị Kim Cúc và Phùng Đức Tiến. 2016. Nghiên cứu khả năng sinh trưởng của gà Móng Tiên Phong qua 3 thế hệ nuôi thương phẩm. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi. Viện Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT, nhà Xuất bản Nông nghiệp Hà Nội 68.
- Nguyễn Đăng Vang, Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga, Nguyễn Mạnh Hùng, 1999. Khả năng sản xuất của gà Đông Tảo nuôi tại Thụy Phương. Chuyên san chăn nuôi gia cầm. Hội chăn nuôi Việt Nam.

ABSTRACT

Growth capacity of Dong Tao chicken

This study aims at to assess growth capacity of the different Dong Tao chicken lines kept in Hung Yen province. The research was carried on commercial chickens of male and female line as well as the crossbreed line between male and female line. Each line had been repeated three time with 50 chickens/repetition. The survivability, body weight, feed conversion ration of the chicken were recorded. The result showed that the survivability of 20 weeks old chicken were 95,33%, 94,67% and 95,33%, respectively. The body weight of 20 weeks old chicken were 2942,33 g/chick; 2501,02g/chick and 2817,35 g/chick, respectively. The Feed conversion ratio at 20 old weeks was 3,85 kg, 3,77 and 3,81 kg, respectively

Key words: *Dong Tao chicken, growth capacity, Dong Tao chicken productivity*

Ngày nhận bài: 20/9/2022

Ngày phản biện đánh giá: 15/10/2022

Ngày chấp nhận đăng: 31/10/2022

Người phản biện: *TS. Hồ Lam Sơn*